|  |  |
| --- | --- |
| PHÒNG GD & ĐT ………………. | **Chữ kí GT1:** ........................... |
| **TRƯỜNG THPT**………………. | **Chữ kí GT2:** ........................... |

**ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ 1**

**LỊCH SỬ 12**

**NĂM HỌC: 2023 - 2024**

**Thời gian làm bài: 45 phút *(****Không kể thời gian phát đề)*

|  |  |
| --- | --- |
| **Họ và tên:** …………………………………… **Lớp**:………………..  **Số báo danh:** …………………………….……**Phòng KT**:………….. | **Mã phách** |

✂

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Điểm bằng số** | **Điểm bằng chữ** | **Chữ ký của GK1** | **Chữ ký của GK2** | **Mã phách** |

*Khoanh tròn vào chữ cái đứng trước câu trả lời đúng:*

**Câu 1.** Sự ra đời tổ chức Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương (NATO, 1949) và tổ chức Hiệp ước Vácsava (1955) là hệ quả trực tiếp của

**A.** cuộc Chiến tranh lạnh do Mĩ phát động*.*

**B.** xung đột vũ trang giữa Tây Âu và Đông Âu.

**C.** các cuộc chiến tranh cục bộ trên thế giới.

**D.** chiến lược Ngăn đe thực tế của Mĩ.

**Câu 2.** Kết quả cuộc đấu tranh giành độc lập của các nước Đông Nam Á trong năm 1945 chứng tỏ

**A.** tầng lớp trung gian đóng vai trò nòng cốt.

**B.** điều kiện khách quan giữ vai trò quyết định.

**C.** lực lượng vũ trang giữ vai trò quyết định.

**D.** điều kiện chủ quan giữ vai trò quyết định.

**Câu 3.** Công cuộc cải cách, mở cửa ở Trung Quốc (từ 1978) lấy trọng tâm là phát triển

**A.** giáo dục. **B.** kinh tế. **C.** văn hóa. **D.** du lịch.

**Câu 4.** Hình thức chủ yếu trong cuộc cạnh tranh giữa các cường quốc hiện nay có gì khác với thời kì Chiến tranh lạnh?

**A.** Là cuộc chạy đua trong lĩnh vực công nghệ cao.

**B.** Là cuộc chạy đua xây dựng sức mạnh tổng hợp quốc gia.

**C.** Là sự tăng cường ảnh hưởng trong các diễn đàn quốc tế.

**D.** Là cuộc chạy đua vũ trang, nhất là vũ khí hạt nhân.

**Câu 5.** Hiến pháp Liên bang Nga (1993) quy định thể chế chính trị của Nga là

**A.** Cộng hòa Dân chủ. **B.** Tổng thống Liên bang.

**C.** Dân chủ đại nghị. **D.** Dân chủ Nhân dân.

**Câu 6.** Trật tự thế giới hình thành sau Chiến tranh thế giới thứ hai mang đặc điểm

**A.** thế giới phân thành hai cực, hai phe.

**B.** chỉ do các nước tư bản thao túng.

**C.** phát triển theo hướng đa cực.

**D.** hoàn toàn chịu sự chi phối của Mĩ.

**Câu 7.** Sự lớn mạnh của Mĩ, Tây Âu, Nhật Bản, Trung Quốc, Liên bang Nga từ sau Chiến tranh lạnh là minh chứng cho xu thế

**A.** “5 trung tâm”. **B.** đa cực. **C.** toàn cầu hóa. **D.** hợp tác quốc tế.

**Câu 8.** Nội dung nào phản ánh **không** đúng cơ hội mà xu thế toàn cầu hóa tạo ra cho những nước đang phát triển trên thế giới?

**A.** Mở rộng thị trường xuất - nhập khẩu.

**B.** Tranh thủ được nguồn vốn từ bên ngoài.

**C.** Tận dụng được các thành tựu khoa học - kĩ thuật.

**D.** Bảo vệ được chủ quyền, an ninh của quốc gia.

**Câu 9.** Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, quốc gia nào ở Đông Bắc Á trở thành “con rồng” kinh tế châu Á?

**A.** Trung Quốc. **B.** Nhật Bản. **C.** Xingapo. **D.** Hàn Quốc.

**Câu 10.** Sự phát triển mạnh mẽ của nền kinh tế Mĩ những năm 1945-1973 **không** xuất phát từ yếu tố nào sau đây?

**A.** Phong trào giải phóng dân tộc phát triển.

**B.** Lãnh thổ rộng lớn, tài nguyên phong phú.

**C.** Thu được nhiều lợi nhuận từ chiến tranh.

**D.** Lao động dồi dào, trình độ kĩ thuật cao.

**Câu 11.** Sự phát triển nhanh chóng của quan hệ thương mại quốc tế là một trong những biểu hiện của xu thế nào sau đây?

**A.** Đa dạng hóa. **B.** Toàn cầu hóa.

**C.** Hợp tác và đấu tranh. **D.** Hòa hoãn tạm thời.

**Câu 12.** Từ năm 1996 đến năm 2000, kinh tế Liên bang Nga

**A.** có sự phục hồi và phát triển. **B.** kém phát triển và suy thoái.

**C.** lâm vào khủng hoảng trầm trọng. **D.** phát triển nhanh nhất thế giới.

**Câu 13.** Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, quốc gia nào trở thành trung tâm kinh tế - tài chính lớn nhất thế giới?

**A.** Nhật Bản. **B.** Mĩ. **C.** Trung Quốc. **D.** Liên Xô.

**Câu 14.** Thành viên thứ 10 của tổ chức ASEAN là quốc gia nào?

**A.** Lào. **B.** Campuchia. **C.** Việt Nam. **D.** Mianma.

**Câu 15.** Trong quá trình thực hiện chiến lược toàn cầu từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến năm 2000, Mĩ đạt được kết quả nào dưới đây?

**A.** Duy trì vị trí cường quốc số một thế giới trên mọi lĩnh vực.

**B.** Chi phối được nhiều nước tư bản đồng minh phụ thuộc vào Mĩ.

**C.** Trực tiếp xóa bỏ hoàn toàn chế độ phân biệt chủng tộc.

**D.** Duy trì sự tồn tại và hoạt động của tất cả các tổ chức quân sự.

**Câu 16.** Năm 1993, Hiến pháp quốc gia nào được thông qua, đã xóa bỏ chế độ phân biệt chủng tộc?

**A.** Libi. **B.** Nam Phi. **C.** Marốc. **D.** Angiêri.

**Câu 17.** Tại Hội nghị Ianta (2/1945), Liên Xô đã cam kết tham chiến chống lực lượng nào sau khi chiến tranh kết thúc ở châu Âu?

**A.** Phát xít Italia. **B.** Phát xít Đức.

**C.** Khơ-me Đỏ. **D.** Quân phiệt Nhật.

**Câu 18.** Quốc gia nào mở đầu phong trào đấu tranh chống thực dân ở châu Phi sau chiến tranh thế giới thứ hai?

**A.** Xu đăng. **B.** Ai Cập. **C.** Tuynidi. **D.** Nam Phi.

**Câu 19.** Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Mĩ, Tây Âu và Nhật Bản

**A.** trở thành đối trọng với các nước xã hội chủ nghĩa.

**B.** cùng tham gia vào kế hoạch Mácsan.

**C.** chia sẻ tham vọng làm bá chủ ở các châu lục.

**D.** tham gia vào liên minh quân sự - NATO.

**Câu 20.** Từ những năm 50 đến đầu những năm 70 của thế kỉ XX, nguyên nhân chung tạo nên sự tăng trưởng nhanh của nền kinh tế Mĩ, Tây Âu, Nhật Bản là

**A.** chú trọng phát triển công nghiệp dân dụng.

**B.** chi phí quốc phòng thấp (không quá 1% GDP).

**C.** vai trò quản lý và điều tiết của nhà nước.

**D.** lãnh thổ rộng lớn, giàu tài nguyên thiên nhiên.

**Câu 21.** Nước Cộng hòa Cuba thành lập (1959) là kết quả của cuộc đấu tranh chống lại

**A.** chế độ phân biệt chủng tộc. **B.** chế độ độc tài tay sai thân Mĩ.

**C.** chủ nghĩa thực dân kiểu cũ. **D.** chủ nghĩa li khai thân Mĩ.

**Câu 22.** Biểu hiện nào chứng tỏ Mĩ đã triển khai chiến lược toàn cầu ở Tây Âu sau Chiến tranh thế giới thứ hai?

**A.** Thực hiện kế hoạch Mácsan.

**B.** Ép các nước giải tán các Đảng Cộng sản.

**C.** Tiêu diệt tận gốc chủ nghĩa phát xít Đức.

**D.** Thiết lập chế độ quân quản ở Tây Đức.

**Câu 23.** Yếu tố nào dưới đây tác động tới sự thành bại của Mĩ trong nỗ lực vươn lên xác lập trật tự

thế giới đơn cực ở giai đoạn sau Chiến tranh lạnh?

**A.** Tương quan lực lượng giữa các cường quốc trên thế giới.

**B.** Sự xuất hiện và ngày càng phát triển của các công ty độc quyền.

**C.** Sự mở rộng không gian địa lý của hệ thống xã hội chủ nghĩa.

**D.** Sự hình thành của các trung tâm kinh tế Tây Âu và Nhật Bản.

**Câu 24.** Năm 1945, nhân dân Inđônêxia, Việt Nam, Lào đã tận dụng điều kiện khách quan nào sau đây để giành độc lập?

**A.** Phát xít Nhật đầu hàng Đồng minh. **B.** Sự giúp đỡ trực tiếp của Liên Xô.

**C.** Sự xác lập trật tự hai cực Ianta.  **D.** Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ.

**Câu 25.** Liên hợp quốc ra đời (1945) nhằm một trong các mục đích nào sau đây?

**A.** Duy trì hòa bình thế giới. **B.** Xóa bỏ chủ nghĩa thực dân.

**C.** Chống chủ nghĩa phát xít. **D.** Khắc phục hậu quả chiến tranh.

**Câu 26.** Đến cuối thập kỉ 90 của thế kỉ XX, tổ chức liên kết kinh tế - chính trị lớn nhất hành tinh là

**A.** EU. **B.** WTO. **C.** IMF. **D.** ASEAN.

**Câu 27.** Đến đầu những năm 70 của thế kỉ XX, quốc gia nào trở thành cường quốc công nghiệp đứng thứ hai thế giới?

**A.** Ai Cập. **B.** Liên Xô. **C.** Campuchia. **D.** Lào.

**Câu 28.** Nhân tố hàng đầu chi phối nền chính trị thế giới phần lớn thời gian nửa sau thế kỉ XX là

**A.** sự hình thành các liên minh kinh tế.  **B.** cục diện Chiến tranh lạnh.

**C.** chiến tranh lạnh kết thúc. **D.** các khối quân sự đối lập ra đời.

**Câu 29.** Sau Chiến tranh lạnh, quan hệ giữa các nước lớn diễn ra theo chiều hướng đối thoại, thỏa hiệp, tránh xung đột trực tiếp vì

**A.** các nước đều đang trong giai đoạn thăm dò tiềm lực của nhau.

**B.** mọi xung đột, đối đầu sẽ làm các nước lớn mất địa vị vốn có.

**C.** các nước đều cần môi trường quốc tế thuận lợi để vươn lên.

**D.** các nước lớn muốn cạnh tranh trên lĩnh vực kinh tế, ngoại giao.

**Câu 30.** Nội dung nào sau đây là điểm tương đồng của Liên Xô và Mĩ sau Chiến tranh thế giới thứ hai?

**A.** Ủng hộ phong trào giải phóng dân tộc.

**B.** Có tham vọng trở thành bá chủ thế giới.

**C.** Không chịu tổn thất từ Chiến tranh thế giới.

**D.** Là ủy viên của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc.

**Câu 31.** Từ những năm 70 của thế kỉ XX đến nay, cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật diễn ra chủ yếu trên lĩnh vực nào?

**A.** Công nghệ.  **B.** Vật lí. **C.** Kĩ thuật.  **D.** Toán học.

**Câu 32.** Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, một trong những nhân tố góp phần làm xói mòn trật tự hai cực Ianta đó là

**A.** sự xuất hiện của xu thế hòa hoãn Đông - Tây.

**B.** phong trào giải phóng dân tộc ở Á, Phi và Mĩ Latinh.

**C.** xu thế toàn cầu hóa diễn ra ngày càng mạnh mẽ.

**D.** cuộc Chiến tranh lạnh do chính quyền Mĩ phát động.

**Câu 33.** Một trong những yếu tố khách quan thuận lợi khiến kinh tế Nhật Bản phục hồi và phát triển nhanh chóng sau Chiến tranh thế giới thứ hai là

**A.** được Mĩ viện trợ tài chính. **B.** sự nỗ lực của nhân dân.

**C.** chi phí quốc phòng thấp. **D.** duy trì được một số thuộc địa.

**Câu 34.** Nội dung nào sau đây là nguyên nhân khác biệt dẫn đến sự phát triển kinh tế của Nhật Bản so với Tây Âu và Mĩ sau Chiến tranh thế giới thứ hai?

**A.** Chi phí cho quốc phòng thấp.

**B.** Nhà nước điều tiết nền kinh tế hiệu quả.

**C.** Tận dụng tốt các yếu tố bên ngoài.

**D.** Áp dụng khoa học - kĩ thuật vào sản xuất.

**Câu 35.** Sự phát triển của Liên minh châu Âu (EU) đã tác động trực tiếp đến sự hình thành của xu thế nào trong quan hệ quốc tế sau khi Chiến tranh lạnh chấm dứt?

**A.** hai cực. **B.** nhiều trung tâm. **C.** đơn cực. **D.** đa cực.

**Câu 36.** Phong trào giải phóng dân tộc ở châu Phi sau Chiến tranh thế giới thứ hai có nét khác biệt nào sau đây so với phong trào giải phóng dân tộc ở khu vực Mĩ Latinh?

**A.** Hình thức đấu tranh phong phú. **B.** Giành được độc lập độc lập.

**C.** Nhằm chống chủ nghĩa thực dân mới. **D.** Diễn ra mạnh mẽ và sôi nổi.

**Câu 37.** Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, thực dân nào quay lại xâm lược ba nước Đông Dương?

**A.** Tây Ban Nha. **B.** Anh. **C.** Bồ Đào Nha. **D.** Pháp.

**Câu 38.** Tình hình chung của kinh tế Tây Âu từ năm 1950 đến năm 1973 là

**A.** khủng hoảng, suy thoái. **B.** phát triển nhanh, liên tục.

**C.** vượt qua Mĩ và Nhật Bản. **D.** hoàn toàn lệ thuộc vào Mĩ.

**Câu 39.** Từ những năm 90 của thế kỉ XX, để tương xứng với vị thế kinh tế, Nhật Bản cố gắng vươn lên thành một cường quốc

**A.** văn hóa. **B.** chính trị. **C.** vũ khí nguyên tử. **D.** điện ảnh.

**Câu 40.** Điểm mới trong chính sách đối ngoại của Nhật Bản từ cuối những năm 70 của thế kỉ XX là

**A.** thiết lập quan hệ ngoại giao với Liên Xô.

**B.** tăng cường quan hệ với các nước Đông Nam Á.

**C.** gia nhập vào tổ chức Liên hợp quốc.

**D.** tiếp tục liên minh chặt chẽ với Mĩ.

**TRƯỜNG THPT** ........

**HƯỚNG DẪN CHẤM KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ 1 (2023 – 2024)**

**MÔN: LỊCH SỬ 12**

**A. PHẦN TRẮC NGHIỆM:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu 1** | **Câu 2** | **Câu 3** | **Câu 4** | **Câu 5** | **Câu 6** | **Câu 7** | **Câu 8** | **Câu 9** | **Câu 10** |
| A | D | B | B | B | A | B | D | D | A |
| **Câu 11** | **Câu 12** | **Câu 13** | **Câu 14** | **Câu 15** | **Câu 16** | **Câu 17** | **Câu 18** | **Câu 19** | **Câu**  **20** |
| B | A | B | B | B | B | D | B | A | C |
| **Câu 21** | **Câu 22** | **Câu 23** | **Câu 24** | **Câu 25** | **Câu 26** | **Câu 27** | **Câu 28** | **Câu 29** | **Câu**  **30** |
| B | A | A | A | A | A | B | B | C | D |
| **Câu 31** | **Câu 32** | **Câu 33** | **Câu 34** | **Câu 35** | **Câu 36** | **Câu 37** | **Câu 38** | **Câu 39** | **Câu**  **40** |
| A | B | A | A | D | C | D | B | B | B |